

Số: **41** /TTr-UBND

Quảng Trị, ngày **10** tháng **3** năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 15.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN:**

**1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú;

Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2023.

**2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Ngày 22/12/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 75/2022/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú, theo đó lệ phí đăng ký cư trú không còn thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh nên việc bãi bỏ quy định về lệ phí đăng ký cư trú tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND để phù hợp với quy định hiện hành là cần thiết.

Xuất phát từ thực tế các phương tiện chở hàng tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyên cảng, chuyên khẩu, gửi kho ngoại quan qua các cửa khẩu quốc tế trên địa bàn tỉnh hầu như không phát sinh nguồn thu thuế cho ngân sách, ít đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương so với phương tiện chở hàng xuất nhập khẩu, đề xuất quy định bổ sung nội

dung thu và mức thu riêng đối với loại phương tiện nói trên. Bên cạnh đó, qua theo dõi tình hình quản lý sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu tại Trung tâm Quản lý Cửa khẩu qua các năm, số phí nộp ngân sách thực tế hàng năm vượt dự toán giao trong năm và số phí năm trước chưa sử dụng hết chuyển sang các năm sau rất lớn. Do đó, thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP, trường hợp số tiền phí được để lại tồn dư sử dụng không hết chuyển nguồn qua các năm, cơ quan có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh tỷ lệ để lại phù hợp. Việc điều chỉnh tỷ lệ để lại phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu tại Trung tâm Quản lý Cửa khẩu đảm bảo việc thực hiện quản lý sử dụng nguồn phí để lại theo đúng quy định của pháp luật về phí, lệ phí, pháp luật về ngân sách và pháp luật về đầu tư công.

- Ngoài ra, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, việc bổ sung chính sách miễn, giảm các khoản phí thu viện, phí tham quan di tích lịch sử đối với các đối tượng người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và trẻ em là cần thiết và phù hợp với chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước ta nói chung cũng như của địa phương nói riêng.

- Từ sự cần thiết nói trên, UBND tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND trình Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:**

### **1. Mục đích:**

Thực hiện sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ quy định về nội dung, mức thu phí, lệ phí, xác định tỷ lệ để lại, nộp ngân sách của đơn vị quản lý, sử dụng phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh phù hợp theo quy định hiện hành của pháp luật lệ phí và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

### **2. Quan điểm chỉ đạo:**

Nghị quyết xây dựng đảm bảo theo quy định của Nhà nước và Luật Cư trú năm 2020; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 106/2021/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 85/2019/TT-BTC; Thông tư số 75/2022/TT-BTC.

Điều chỉnh, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND nhằm đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương cũng như mức độ tự chủ tài chính của đơn vị.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:**

Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính xây dựng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND.

Trong quá trình soạn thảo, dự thảo Nghị quyết đã được lấy ý kiến các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan và đã được đăng tải trên cổng thông

tin điện tử tỉnh Quảng Trị đề lấy ý kiến rộng rãi đối với các đối tượng chịu tác động của các quy định trong Nghị quyết; ý kiến tham gia của UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh, được Sở Tư pháp thẩm định theo quy định. Căn cứ ý kiến tham gia, đóng góp; cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

Dự thảo Nghị quyết xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, rà soát các nội dung quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND, bãi bỏ lệ phí đăng ký cư trú theo Thông tư số 75/2022/TT-BTC, đồng thời sửa đổi, bổ sung đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm các loại phí theo đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương, bổ sung nội dung thu phí và điều chỉnh tỷ lệ để lại của phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu đảm bảo theo quy định của pháp luật về phí lệ phí và pháp luật khác có liên quan và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Cụ thể như sau:

1. Bãi bỏ lệ phí đăng ký cư trú: Theo quy định tại Thông tư số 75/2022/TT-BTC, lệ phí đăng ký cư trú không còn thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Về sửa đổi, bổ sung chính sách miễn, giảm:

- Bổ sung đối tượng người có công với cách mạng được miễn phí tham quan di tích lịch sử; bổ sung đối tượng người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và trẻ em là người dưới 16 tuổi được miễn phí thư viện (theo đề nghị của Cục Thuế tỉnh tại Báo cáo số 11/BC-CTQTR ngày 12/01/2023, đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 280/SGDDĐT-KHTC ngày 13/02/2023 và ý kiến của Sở Văn hóa Thể thao du lịch tại Công văn số 175/SVHTTDL-VP ngày 14/02/2023).

Việc bổ sung chính sách ưu đãi của địa phương đối với người có công với cách mạng, cụ thể là miễn phí tham quan di tích lịch sử, phí thư viện (ngoài các chính sách ưu đãi chủ yếu theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020) phù hợp với nguyên tắc thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng quy định tại khoản 1 Điều 6 của Pháp lệnh như sau: *“Chăm lo sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng là trách nhiệm của Nhà nước và xã hội. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân quan tâm, giúp đỡ và thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.”*

Việc bổ sung đối tượng người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và trẻ em được miễn phí thư viện nhằm khuyến khích các độc giả tham gia để phát triển văn hóa đọc, đặc biệt là đối tượng trẻ em, việc đọc sách góp phần quan trọng trong việc xây dựng nhân cách để hướng đến phát triển toàn diện<sup>1</sup>.

- Bổ sung nội dung chính sách miễn phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu đối với các phương tiện: có tải trọng dưới 3,5 tấn của cư dân biên giới vận chuyển hàng là nông, lâm sản (có giấy tờ xác nhận là hàng hóa sản xuất của cư dân biên giới do cơ quan có

<sup>1</sup> Tham khảo trên toàn quốc có tỉnh Bình Dương quy định mức thu phí thư viện là 0 đồng cho tất cả các cá nhân có nhu cầu (Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương).

thẩm quyền cấp); chở hàng hóa quân sự, hàng viện trợ, cứu trợ thiên tai; phương tiện vận tải không có hàng hóa (xe không tải). Các nội dung này trước đây đã được quy định không thu phí tại Phụ lục I về Danh mục, mức thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND. Nay chuyển sang quy định tại Chính sách miễn, giảm để đảm bảo phù hợp về mặt nội dung.

### 3. Về sửa đổi, bổ sung nội dung thu và mức thu phí:

- Bổ sung nội dung thu và mức thu đối với phương tiện chở hàng tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng, chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan (thuộc phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu):

Xuất phát từ thực tế các phương tiện chở hàng tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng, chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan đi thẳng từ nước ngoài qua lãnh thổ Việt Nam sang nước thứ ba không lưu lại trong nước nên hầu như không phát sinh hoặc phát sinh không nhiều chi phí tăng thêm ảnh hưởng từ nó (chi phí xăng dầu, bốc xếp, vận chuyển, lưu kho bãi..., ăn uống, nghỉ ngơi của lái xe, người áp tải hàng). Bên cạnh đó, hàng hóa kinh doanh theo loại hình này không phát sinh hoặc phát sinh rất ít nguồn thu cho ngân sách nhà nước (hàng tạm nhập - tái xuất không chịu thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu; hàng tạm xuất - tái nhập: không chịu thuế giá trị gia tăng, chịu thuế xuất nhập khẩu trừ trường hợp được miễn). Tuy nhiên, các phương tiện này có qua lại, sử dụng hạ tầng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng các cửa khẩu như phương tiện xuất nhập khẩu. Đây không phải là loại phương tiện khuyến khích qua lại cửa khẩu và đóng góp ít cho địa phương so với phương tiện xuất, nhập khẩu nên đề xuất quy định bổ sung nội dung thu riêng (trước đây, Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND chỉ quy định mức thu chung đối với mọi loại phương tiện qua lại cửa khẩu).

Trên cơ sở thẩm định Đề án thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu kèm theo Tờ trình số 34/TTr-TTQLCK ngày 22/12/2022 của Trung tâm Quản lý Cửa khẩu về việc thẩm định điều chỉnh Đề án thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, dự thảo Nghị quyết đề xuất quy định mức thu đối với phương tiện chở hàng tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng, chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan cao hơn so với mức thu đối với các phương tiện chở hàng xuất nhập khẩu tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND (Mức phí đối với các loại hình xuất nhập khẩu vẫn giữ nguyên như cũ không thay đổi).

Việc tăng mức thu cao hơn so với phương tiện chở hàng xuất nhập khẩu dự kiến không ảnh hưởng lớn đến lượt phương tiện qua lại cửa khẩu. Đối với luồng hàng quá cảnh, tạm nhập - tái xuất, gửi kho ngoại quan.....do đặc điểm hàng hóa vận chuyển, khoảng cách địa lý, luồng hàng này khó thay đổi tuyến đường nên không thể đi các cửa khẩu khác.

Mức thu đối với phương tiện chở hàng tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng, chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan tại các cửa khẩu quốc tế của Quảng Trị khi xây dựng đã có so sánh với mức thu

của các cửa khẩu đường bộ tiếp giáp với Lào. Mức thu của tỉnh Quảng Trị đề xuất tại dự thảo Nghị quyết nằm ở mức giữa, bảo đảm tính thu hút của các cửa khẩu thuộc tỉnh<sup>2</sup>.

*Ngoài ra, đề nghị chỉnh sửa lỗi kỹ thuật đánh máy khi ban hành mức thu phí công nhận cây mẹ (thuộc phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống) tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND.<sup>3</sup>*

4. Điều chỉnh tỷ lệ để lại, nộp ngân sách nhà nước của phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu:

- Quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND về tỷ lệ để lại – nộp ngân sách của khoản phí nói trên là 70% - 30%.

- Qua theo dõi, nguồn phí còn lại chưa sử dụng các năm trước chuyển sang còn rất lớn (năm 2019 chuyển sang 2020: 6.177 triệu; năm 2020 chuyển sang năm 2021: 8.703 triệu; 2021 chuyển sang 2022: 15.210 triệu; 2022 chuyển sang 2023: 23.881 triệu – Báo cáo số 106/BC-TTQLCK ngày 20/10/2022). Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật phí, lệ phí, trường hợp số tiền phí được để lại tồn dư sử dụng không hết chuyển nguồn qua các năm, cơ quan có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh tỷ lệ để lại phù hợp

- Ngoài ra, theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC và khoản 2 Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP, nguồn phí để lại của phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu được chi nội dung liên quan đến việc duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa (tái tạo) công trình hiện có đang sử dụng trực tiếp phục vụ cho hoạt động thu phí, đảm bảo duy trì hoạt động bình thường.

Do đó, cần phải xác định tỷ lệ để lại phù hợp theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và pháp luật khác có liên quan.

- Thực hiện điều chỉnh tỷ lệ để lại như sau: Trên cơ sở dự toán cả năm về phí thu được và dự toán chi phí cần thiết cho hoạt động thu phí cả năm; mức độ tự chủ của tổ chức thu phí (Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, trong đó Trung tâm Quản lý Cửa khẩu là đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên – chi đầu tư); tình hình quản lý, sử dụng phí từ năm 2020-2022 của Trung tâm Quản lý Cửa khẩu để xác định tỷ lệ để lại theo công thức quy định tại Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP: tỷ lệ để lại 40% - nộp ngân sách 60%. Trong đó, nguồn thu và các khoản chi mang tính chất ổn định, có dự kiến chi phí duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các công trình hiện có đang sử dụng trực tiếp phục vụ cho hoạt động thu phí, chi phí tiền

<sup>2</sup> Mức thu xây dựng thấp hơn hoặc bằng mức thu của Cửa khẩu Cha Lo - Quảng Bình (Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 24/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình); Cửa khẩu Bờ Y - Kon Tum (Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/8/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum); cao hơn mức thu cửa khẩu Cầu treo - Hà Tĩnh (Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh).

<sup>3</sup> Mức thu đã được Sở Tài chính tham mưu tại Tờ trình số 1198/TTr-STC ngày 7/4/2022 về việc điều chỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, miễn, giảm; chế độ thu, nộp các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị) trình Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (nay là Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND).

điện....., chưa tính đến nguồn phí từ các năm trước chuyển sang của đơn vị còn rất lớn chưa sử dụng hết.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:**

##### **1. Bố cục:**

Nghị quyết gồm 3 Điều:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND.

**Điều 2.** Bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND.

**Điều 3.** Điều khoản thi hành

##### **2. Nội dung cơ bản:**

Dự thảo Nghị quyết xây dựng các nội dung cơ bản sau:

a. Sửa đổi, bổ sung chính sách miễn, giảm đối với phí tham quan di tích lịch sử, phí thư viện, phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu.

b. Quy định sửa đổi, bổ sung mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu.

c. Điều chỉnh tỷ lệ để lại, nộp ngân sách nhà nước của phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu.

d. Bãi bỏ các quy định liên quan đối với lệ phí đăng ký cư trú.

e. Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện.

##### **V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không.**

Trên đây là Tờ trình về dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./N

##### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TCTM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Hưng**

**SƠ SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VỚI NỘI DUNG TẠI NGHỊ QUYẾT 13/2022/NQ-HĐND**

TT	Điểm, điều khoản tại Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết sửa đổi	Thuyết minh
1	<b>Bổ sung chính sách miễn, giảm</b>			
1.1	Điểm a khoản 4 Điều 1	<p>4. Chính sách miễn giảm phí và lệ phí</p> <p>a) Phí thăm quan di tích lịch sử:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm 50% mức phí thăm quan di tích lịch sử đối với các trường hợp sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”, trường hợp khó xác định thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú;</li> <li>+ Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;</li> <li>+ Người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12</li> </ul> </li> </ul>	<p>4. Chính sách miễn giảm phí và lệ phí</p> <p>a) Phí thăm quan di tích lịch sử:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm 50% mức phí thăm quan di tích lịch sử đối với các trường hợp sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”, trường hợp khó xác định thì chỉ cần có giấy xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú;</li> <li>+Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;</li> <li>+ Người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên theo quy định tại Điều 2 Luật</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung đối tượng miễn phí tham quan di tích lịch sử: người có công với cách mạng (Theo đề nghị của Cục Thuế tỉnh, đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo và ý kiến của Sở Văn hóa Thể thao du lịch).</li> <li>- Việc bổ sung chính sách ưu đãi của địa phương đối với người có công với cách mạng, cụ thể là miễn phí tham quan di tích lịch sử và phí thư viện (ngoài các chính sách ưu đãi chủ yếu theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020) phù hợp với nguyên tắc thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng.</li> <li>- Việc bổ sung đối tượng người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng trẻ em được miễn phí thư viện nhằm khuyến khích các độc giả tham gia để</li> </ul>

TT	Điểm, điều khoản tại Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết sửa đổi	Thuyết minh
		<p>ngày 23/11/2009 của Quốc hội;          Đối với người thuộc diện hưởng cả hai hoặc ba trường hợp ưu đãi trên thì chỉ giảm 50% phí tham quan di tích lịch sử.          + Trẻ em là người dưới 16 tuổi theo quy định tại Điều 1 Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016 của Quốc hội.          - <u>Miễn phí thăm quan di tích lịch sử đối với người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP của Chính phủ.</u></p>	<p>Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội;          Đối với người thuộc diện hưởng cả hai hoặc ba trường hợp ưu đãi trên thì chỉ giảm 50% phí tham quan di tích lịch sử.          + Trẻ em là người dưới 16 tuổi theo quy định tại Điều 1 Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016 của Quốc hội.          - <u>Miễn phí thăm quan di tích lịch sử đối với các trường hợp:</u>          + <u>Người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP.</u>          + <u>Người có công với cách mạng.”</u></p>	<p>phát triển văn hóa đọc, đặc biệt là đối tượng trẻ em, việc đọc sách góp phần quan trọng trong việc xây dựng nhân cách để hướng đến phát triển toàn diện.          - Việc miễn phí với đối tượng người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ, trẻ em là phù hợp với nguyên tắc thực hiện chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, việc miễn phí đồng thời trực tiếp ảnh hưởng đến nguồn thu của tổ chức thu phí. Do đó, tùy thuộc mức tự chủ tài chính của tổ chức thu phí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để quy định giới hạn đối tượng được miễn phí phù hợp, tránh làm ảnh hưởng nguồn thu của đơn vị đã xây dựng tại phương án tự chủ tài chính.          Cụ thể:          + Thư viện tỉnh (tổ chức thu <u>phí thư viện</u>) và các thư viện trên địa bàn tỉnh thuộc loại hình đơn vị sự nghiệp nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên, nguồn thu phí hằng năm thấp do đó việc</p>
1.2	Điểm b khoản 4 Điều 1	<p>b) Phí thư viện:          - Giảm 50% mức phí thư viện đối với các trường hợp sau:          + Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, trường hợp khó xác định thì chỉ cần có giấy xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú;          + Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày</p>	<p>“b) Phí thư viện:          - Giảm 50% mức phí thư viện đối với các trường hợp sau:          + Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa theo quy định tại Điều 2 Quyết định số <u>170/2003/QĐ-TTg</u>, trường hợp khó xác định thì chỉ cần có giấy xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú;           + Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị</p>	



TT	Điểm, điều khoản tại Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết sửa đổi	Thuyết minh
		<p>10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.</p> <p>Trường hợp người vừa thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, vừa thuộc diện người khuyết tật nặng thì chỉ được giảm 50% mức phí thư viện;</p> <p>+ Trẻ em là người dưới 16 tuổi theo quy định tại Điều 1 Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016 của Quốc hội.</p> <p>- Miễn phí thư viện đối với người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP của Chính phủ.</p>	<p>định <u>số 28/2012/NĐ-CP.</u></p> <p>Trường hợp người vừa thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa, vừa thuộc diện người khuyết tật nặng thì chỉ được giảm 50% mức phí thư viện;</p> <p><u>- Miễn phí thư viện đối với các trường hợp:</u></p> <p><u>+ Người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP.</u></p> <p><u>+ Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng.</u></p> <p><u>+ Trẻ em là người dưới 16 tuổi (theo quy định tại Điều 1 Luật Trẻ em của Quốc hội).”</u></p>	<p>miễn phí đối với đối tượng người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ và trẻ em không gây ảnh hưởng lớn nguồn thu, khuyến khích phát triển văn hóa đọc cho người dân,</p> <p>+ Trung tâm Quản lý di tích và bảo tàng tỉnh (tổ chức thu phí tham quan di tích lịch sử) thuộc loại hình đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo 1 phần (từ 30-70% chi thường xuyên), quản lý trực tiếp 07 cơ sở di tích và nhà trưng bày trong đó có 03 di tích thu phí tham quan, 04 di tích phục vụ giáo dục truyền thống yêu nước cách mạng. Trong thời gian tới sẽ giao phương án tự chủ hoàn toàn nên miễn phí thêm đối tượng thân nhân người có công với cách mạng, trẻ em sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu của đơn vị và không thực hiện được phương án tự chủ theo lộ trình đề ra.</p> <p>Do đó, dự thảo Nghị quyết chỉ quy định miễn phí tham quan di tích lịch sử đối với đối tượng người có công với cách mạng, đối tượng trẻ em giữ</p>

TT	Điểm, điều khoản tại Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết sửa đổi	Thuyết minh
				nguyên mức phí giảm 50% theo Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND.
1.3	Bổ sung điểm g vào khoản 4 Điều 1		<p>g) Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn thu phí đối với các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phương tiện có tải trọng dưới 3,5 tấn của cư dân biên giới vận chuyển hàng là nông, lâm sản (có giấy tờ xác nhận là hàng hóa sản xuất của cư dân biên giới do cơ quan có thẩm quyền cấp).</li> <li>+ Phương tiện chở hàng hóa quân sự, hàng viện trợ, cứu trợ thiên tai.</li> <li>+ Phương tiện vận tải không có hàng hóa (xe không tải).</li> </ul> </li> </ul>	Các nội dung này trước đây đã được quy định không thu phí tại Phụ lục I về Danh mục, mức thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND. Nay chuyển sang quy định tại Chính sách miễn, giảm để đảm bảo sự phù hợp về mặt nội dung.
<b>2</b>	<b>Sửa đổi, bổ sung nội dung thu và mức thu phí:</b>			
	mục II phần A Phụ lục I			
<b>II</b>	<b>Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu</b>	ĐVT: đồng/xe/lượt		
	<b>II.1 Phương tiện xuất, nhập khẩu</b>			
1	Phương tiện vận tải ra, vào cửa khẩu Lao Bảo			
a)	Phương tiện vận tải chở gỗ các loại, quặng các loại có tải trọng thiết kế			
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn		200.000	
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn		300.000	

TT	Điểm, điều khoản tại Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết sửa đổi	Thuyết minh
	đến dưới 10 tấn			
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20 Feet	500.000		
	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe Container 40 Feet	700.000		
b)	Phương tiện vận tải chở thạch cao và các loại hàng hóa khác có tải trọng thiết kế			
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn	50.000		
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	100.000		
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20 Feet	200.000		
	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe Container 40 feet	300.000		
c)	Xe du lịch, xe vận tải hành khách có số chỗ ngồi			
	Từ 24 đến 30 chỗ ngồi	50.000		
	Từ 31 chỗ ngồi trở lên	100.000		
2	Phương tiện vận tải ra, vào cửa khẩu La Lay			
a)	Phương tiện vận tải chở gỗ các loại, quặng các loại có tải trọng thiết kế			
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn	100.000		
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	150.000		
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20 Feet	250.000		
	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40 Feet	350.000		
b)	Phương tiện vận tải chở thạch cao và các loại hàng hóa khác có tải trọng thiết kế			

TT	Điểm, điều khoản tại Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết sửa đổi	Thuyết minh
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn	25.000		
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn	50.000		
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20 Feet	100.000		
	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40 Feet	150.000		
c)	Xe du lịch, xe vận chuyển hành khách có số chỗ ngồi			
	Từ 24 đến 30 chỗ ngồi	25.000		
	Từ 31 chỗ ngồi trở lên	50.000		
II.2 Phương tiện chở hàng tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển cảng, chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan				Lý do bổ sung: Xuất phát từ thực tế các phương tiện này đi thẳng từ nước ngoài qua lãnh thổ Việt Nam sang nước thứ ba không lưu lại trong nước nên hầu như không phát sinh hoặc phát sinh không nhiều chi phí tăng thêm (chi phí xăng dầu, bốc xếp, vận chuyển, lưu kho bãi..., ăn uống, nghỉ ngơi của lái xe); không phát sinh hoặc phát sinh rất ít nguồn thu cho ngân sách nhà nước so với phương tiện chở hàng xuất, nhập khẩu.  - Việc tăng mức thu cao hơn so với phương tiện chở hàng xuất nhập khẩu dự kiến không
1	Phương tiện vận tải ra, vào cửa khẩu Lao Bảo			
a)	Phương tiện vận tải chở gỗ các loại, quặng các loại có tải trọng thiết kế			
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn		200.000	
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn		300.000	
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20 Feet		600.000	
	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe Container 40 Feet		900.000	
b)	Phương tiện vận tải chở thạch cao và các loại hàng hóa khác có tải trọng thiết kế			
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn		100.000	
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn		200.000	
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20		400.000	

TT	Điểm, điều khoản tại Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết sửa đổi	Thuyết minh
	Feet			<p>ảnh hưởng lớn đến lượt phương tiện qua lại cửa khẩu. Đối với luồng hàng quá cảnh, tạm nhập - tái xuất, gửi kho ngoại quan.....do đặc điểm hàng hóa vận chuyển, khoảng cách địa lý, luồng hàng này khó thay đổi tuyến đường nên không thể đi các cửa khẩu khác.</p> <p>- Mức thu đối với phương tiện này tại các cửa khẩu quốc tế của Quảng Trị khi xây dựng đã có so sánh với mức thu của các cửa khẩu đường bộ tiếp giáp với Lào (thấp hơn hoặc bằng mức thu của Cửa khẩu Cha Lo - Quảng Bình; Cửa khẩu Bờ Y - Kon Tum; cao hơn mức thu cửa khẩu Cầu Treo - Hà Tĩnh), bảo đảm tính thu hút của các cửa khẩu thuộc tỉnh.</p>
	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe Container 40 feet		600.000	
2	Phương tiện vận tải ra, vào cửa khẩu La Lay			
a)	Phương tiện vận tải chở gỗ các loại, quặng các loại có tải trọng thiết kế			
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn		100.000	
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn		150.000	
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20 Feet		300.000	
	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40 Feet		450.000	
b)	Phương tiện vận tải chở thạch cao và các loại hàng hóa khác có tải trọng thiết kế			
	Phương tiện có tải trọng dưới 05 tấn		50.000	
	Phương tiện có tải trọng từ 05 tấn đến dưới 10 tấn		100.000	
	Phương tiện có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 20 tấn, xe container 20 Feet		200.000	
	Phương tiện có tải trọng từ 20 tấn trở lên, xe container 40 Feet		300.000	
3	<b>Sửa đổi quy định về tỷ lệ để lại</b>			
	Mục II Phụ lục II			
	Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu	Tỷ lệ để lại 70% - Tỷ lệ nộp ngân sách 30%	Tỷ lệ để lại 40% - nộp ngân sách 60%	Xác định lại theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 5 Thông tư số 85/2019 và TT-BTC Điều 5 Nghị định 120/2016/NĐ-CP.

TT	Điểm, điều khoản tại Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết sửa đổi	Thuyết minh
4	<b>Bãi bỏ lệ phí đăng ký cư trú</b>			
	Điểm d khoản 4 Điều 1	d) Lệ phí đăng ký cư trú: Miễn thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sỹ, con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.	Bãi bỏ	Theo quy định tại Thông tư số 75/2022/TT-BTC, lệ phí đăng ký cư trú không còn thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.
	Mục I Phần B Phụ lục I			
<b>I</b>	<b>Lệ phí đăng ký cư trú</b>	Đồng/lần đăng ký		
1	Tách hộ			
a)	Thành phố Đông Hà	5.000	Bãi bỏ	
b)	Khu vực miền núi, hải đảo	3.000	Bãi bỏ	
c)	Khu vực khác	4.000	Bãi bỏ	
2	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong cơ sở dữ liệu về cư trú			
a)	Thành phố Đông Hà	5.000	Bãi bỏ	
b)	Khu vực miền núi, hải đảo	3.000	Bãi bỏ	
c)	Khu vực khác	4.000	Bãi bỏ	
3	Xác nhận thông tin về cư trú			
a)	Thành phố Đông Hà	5.000	Bãi bỏ	
b)	Khu vực miền núi, hải đảo	3.000	Bãi bỏ	

<b>TT</b>	<b>Điểm, điều khoản tại Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND</b>	<b>Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND</b>	<b>Dự thảo Nghị quyết sửa đổi</b>	<b>Thuyết minh</b>
c)	Khu vực khác	4.000	Bãi bỏ	
4	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú			
a)	Thành phố Đông Hà	15.000	Bãi bỏ	
b)	Khu vực miền núi, hải đảo	5.000	Bãi bỏ	
c)	Khu vực khác	7.000	Bãi bỏ	
5	Gia hạn tạm trú			
a)	Thành phố Đông Hà	5.000	Bãi bỏ	
b)	Khu vực miền núi, hải đảo	3.000	Bãi bỏ	
c)	Khu vực khác	4.000	Bãi bỏ	